

+ Trồng hợp thm đnh “Không đt” thì yêu cầu c s phải kh c ph c nh ng thi u sót đ c nh c nh ; trong th i gian t i đ a **03 tháng** s tái th m đnh l i (th m đnh l n hai).

Nu th m đnh l n hai v n “Không đt”, UBND ph ng, xã, th tr n s đnh ch h o t đ ng c a c s .

- **B c 4:** Nh n k t qu t i Tr m Y t ph ng, xã, th tr n.

+ Ng i nh n k t qu phải mang theo Phi u nh n h s , tr ng h p làm m t Phi u nh n h s thì phải xu t trình Gi y ch ng minh nhân dân. + Công ch c tr k t qu ki m tra Phi u nh n h s h c Gi y ch ng minh nhân dân, viết Phiếu thu lê phí; yêu cầu ng i nh n k t qu nộp tiền và ký nh n vào S theo dõi tr k t qu ; trao k t qu cho ng i nh n.

- **Th i gian t p nh n h s và tr k t qu** (ngày l ng h)

+ T thứ hai đ n th sáu: Sáng t 7 gi 00 phút đến 10 gi 30 phút,

Chi u t 13 gi 00 phút đ n 16 gi 30 phút;

b) Cách th c th c hi n: Tr c t p t i tr s c quan hành chính nhà n c.

c) Thành ph n, s l ng h s :

- **Thành ph n h s :**

+ Đ n đ ngh c p Gi y ch ng nh n v sinh an toàn th c ph m (theo m u quy đ nh);

+ Gi y ch ng nh n đ ng ký kinh doanh, b n sao có ch ng th c (n u có);

+ B n thuy t minh v c s v t ch t, trang thi t b , d ng c b o đ m đ i u ki n v sinh an toàn th c ph m, bao g m:

* B n v s đ m t b ng c s s n xu t, kinh doanh và các khu v c xung quanh.

* B n mô t quy trình ch bi n (quy trình công ngh) cho nhóm s n ph m ho c m i s n ph m đ c thù.

+ B n cam k t đ m b o v sinh an toàn th c ph m đ i v i nguyên li u và s n ph m, th c ph m do c s s n xu t kinh doanh (theo m u quy đ nh);

+ Gi y ch ng nh n đ đ i u ki n s c kh e c a ch c s và ng i tr c ti p tham gia s n xu t, kinh doanh, b n sao có ch ng th c;

+ Gi y ch ng nh n đ c t p hu n ki n th c v v sinh an toàn th c ph m c a ch c s và tr c ti p tham gia s n xu t kinh doanh, th c ph m, b n sao có ch ng th c.

- S l ng: 01 b .

d) Th i h n gi i quy t: 15 ngày làm vi c k t ngày th m đ nh “Đ t”.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm Y tế phòng ng, xã, thị trấn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nh n.

h) Lệ phí:

- Phí thẩm định nh: 50.000đ ng/l n;

- Phí cấp giấy: 50.000đ ng/giấy chứng nh n.

i) Tên m u đ n, m u t khai:

- Đ n đ ngh c p Giấy chứng nh n để đi u ki n VSATTP ([m u I](#));

- B n cam kết đ m b o v sinh an toàn thực phẩm đối v i nguyên li u và s n phẩm, thực phẩm do c s s n xuất kinh doanh ([m u II](#)).

k) Yêu cầu, đi u ki n thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài khi s n xuất, kinh doanh thực phẩm phải i b o đ m đ các đi u ki n theo quy đ nh v v sinh an toàn sau:

- Di u ki n v c s v t ch t đáp ng quy đ nh t i Quy t đ nh s 39/2005/QĐ-BYT ngày 28/11/2005 c a B tr ng B Y t ban hành “ Quy đ nh v các đ i u ki n v sinh chung đ i v i c s v t ch t th c ph m” g m:

+ Đ a đ i m, môi tr ng;

+ Yêu c u thi t k , b trí nhà x ng;

+ K t c u nhà x ng;

+ H th ng cung c p n c;

+ H th ng cung c p n c đá;

+ H th ng cung c p h i n c;

+ Khí nén;

+ H th ng x lý ch t th i;

+ Phòng thay b o h lao đ ng;

+ Nhà v sinh.

- Điều kiện và trạng thái báo, đóng cửa đáp ứng quy định tại Quyết định 39/2005/QĐ-BYT ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Quy định về các điều kiện và sinh chủng loại và các sản phẩm xuất khẩu thực phẩm” gồm:

+ Phòng ngừa tiêu n và khử trùng tay;

+ Nước sát trùng;

+ Thời gian phòng ngừa côn trùng, đóng cửa gây hại;

+ Thời gian, đóng cửa giám sát chất lượng;

+ Thời gian, đóng cửa chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển.

- Điều kiện và con người đáp ứng quy định tại Quyết định số 21/2007/QĐ-BYT ngày 12/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Quy định về điều kiện sức khỏe đối với người tiếp xúc trực tiếp trong quá trình chế biến thực phẩm bao gói sẵn và kinh doanh thực phẩm ăn ngay” gồm:

+ Sức khỏe của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

+ Kiến thức, thực hành và sinh an toàn thực phẩm của người sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

III) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Pháp lệnh Về sinh an toàn thực phẩm ngày 26/7/2003;

- Nghị định số 163/2004/ND-CP ngày 7/9/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Về sinh an toàn thực phẩm;

- Quyết định số 80/2005/QĐ-BTC ngày 17/11/2005 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định mức thu, nộp quản lý và sử dụng phí quản lý chất lượng và sinh an toàn thực phẩm;

- Quyết định số 11/2006/QĐ-BYT ngày 09/3/2006 của Bộ Y tế ban hành Quy chế cấp giấy đối với người và sinh an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm xuất kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao;

- Quyết định 43/2005/QĐ-BYT ngày 20/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định yêu cầu kỹ thuật và sinh an toàn thực phẩm đối với người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm”;

- Quyết định số 21/2007/QĐ-BYT ngày 12/3/2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Quy định về đối tượng sản xuất kho đối với người tiếp xúc trực tiếp trong quá trình chế biến thực phẩm bao gói sẵn và kinh doanh thực phẩm ăn ngay”;

- Quyết định số 39/2005/QĐ-BYT ngày 28/11/2005 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Quy định về các đối tượng và sinh chung đối với các sản phẩm xuất thực phẩm”.